

Bản án số: 06/2022/DS-ST  
Ngày: 10-01-2023  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Võ Thanh Phong;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: 224/2 Phạm Văn Hai, phường 5, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: 265A NH, khu phố B, phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang; (vắng mặt)

Tạm trú: ấp SQB, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn TH, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: ấp SQB, xã TT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lương Thị Thu H trình bày:*

Vào ngày 12/02/2022 bà có cho bà L vay số tiền là 126.000.000 đồng, không có lãi suất, thời gian vay là 02 tháng (hai bên có làm giấy xác nhận mượn tiền). Đến hạn trả tiền là ngày 12/4/2022 thì bà L có tình không trả mặc dù bà đã

đến nhà nhiều lần. Đến cuối tháng 3 năm 2022 bà đến nhà bà L thì chồng bà L là ông Nguyễn Văn TH có đứng ra trả thay cho bà L 41.000.000 đồng. Như vậy, bà L còn nợ bà số tiền là 85.000.000 đồng (có giấy) và 5.000.000 đồng mượn không có giấy tờ chứng minh. Do quyền lợi bị xâm phạm nên nay bà yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 85.000.000 đồng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Tại bản tự khai bị đơn Hoàng Thị L trình bày:*

Trước đây bà có vay tiền của bà H là nhiều lần nhưng đến ngày 12/02/2022 thì tổng kết nợ lại bà còn thiếu bà H 126.000.000 đồng, bà có viết giấy xác nhận mượn tiền có ký tên và lấn tay. Sau đó chồng bà có trả cho bà H 41.000.000 đồng (có làm biên nhận) và bản thân bà có trả cho bà H 13.000.000 đồng, chị H nhận tiền nhưng không có làm giấy tờ. Tổng cộng bà chỉ còn nợ bà H là 72.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng cho đến khi hết nợ.

*\* Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn TH trình bày:*

Ông có đứng ra trả cho bà H 41.000.000 đồng thay cho bà L. Ngoài ra ông không có trả thêm khoản tiền nào khác. Ông không có liên quan và không có trách nhiệm gì đến khoản nợ giữa bà L và bà H, ông xin vắng trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà L có nơi cư trú tại xã TT, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bà H, anh TH có đơn xin vắng mặt. Bị đơn bà L vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà H yêu cầu bà L phải trả số tiền nợ là 85.000.000 đồng, trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 giấy nhận nợ bản chính ngày 12/02/2022 do bà L viết và ký tên. Bị đơn bà L thừa nhận có vay của bà H 126.000.000 đồng, đã trả được 54.000.000 đồng, còn nợ lại bà H số tiền 72.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở, bởi vì giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua biên nhận ngày 12/02/2022 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện rõ vào ngày 12/02/2022 bà L có vay tiền của bà H với số tiền 126.000.000 đồng, đến ngày 12/4/2022 sẽ hoàn trả lại số tiền trên nếu sai bà L sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Tại bản tự khai ông TH là chồng bà L thừa nhận đã trả cho bà H được 41.000.000 đồng là hoàn toàn trùng khớp với lời trình bày của bà H. Trong khi bà L trình bày ngoài số tiền 41.000.000 đồng mà chồng bà là ông TH đã trả cho bà H thì bà có trả thêm cho bà H 13.000.000 đồng. Tuy nhiên ngoài lời trình bày ra thì bà L không có cơ sở chứng minh cho lời khai của bà và bà H không thừa nhận có nhận số tiền 13.000.000 đồng trên. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà L là người vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Thu H.

Buộc bà Hoàng Thị L có nghĩa vụ trả cho bà H tổng cộng 85.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

## 2. Về án phí:

- Buộc bà Hoàng Thị L phải chịu 4.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn lại cho bà Lương Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006952 ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Nguyễn Văn Thừa**